|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI  **VIỆN CNSH&CNTP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Dành cho hội đồng bảo vệ KLTN**

**I. THÔNG TIN CHUNG:**

Họ và tên ủy viên hội đồng: ...........................................................Học hàm, học vị:..........

Chuyên ngành/Lĩnh vực chuyên môn:..................................................................................

Họ tên sinh viên: **......** Lớp: ..... Chuyên ngành: …..

Tên đề tài/đồ án khóa luận: ……...

1. **PHẦN CHẤM ĐIỂM**

***Ghi chú:*** *Ủy viên chấm điểm theo tiêu chí tại bảng (IV) Rubric dành cho hội đồng đánh giá khoá luận tốt nghiệp. Tổng điểm KLTN chấm theo thang điểm 10, lẻ tới 0,1*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | **Tiêu chí** | **Điểm**  **Tối đa** | **Điểm đánh giá** |
| 1 | Tính cấp thiết, ý tưởng của, mục tiêu và nội dung đề tài | 1,0 |  |
|  | Tính cấp thiết, tính mới, tính khoa học của vấn đề nghiên cứu hoặc tính ứng dụng thực tiễn Mục tiêu rõ ràng, nội dung nghiên cứu đảm bảo hoàn thành được mục tiêu đề ra |  |  |
| 2 | Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài | 1,0 |  |
| Tổng quan cơ sở lý luận các vấn đề nghiên cứu, phong phú và cập nhật, có tổng quan vấn đề trong và ngoài nước |  |  |
| 3 | Phương pháp nghiên cứu | 1,0 |  |
| Nêu rõ đối tượng, vật liệu, thiết bị chính cho nghiên cứuTính rõ ràng, chính xác, hiện đại của các phương pháp nghiên, tính toán, sử lý số liệu được sử dụng |  |  |
| 4 | Kết quả và thảo luận | 3,0 |  |
| Số lượng kết quả hoàn chỉnh để giải quyết được mục tiêu và nội dung nghiên cứuMức chất lượng, chỉ tiêu đạt được, hàm lượng khoa học, độ chính xác, tin cậy của kết quả, có thảo luận, phân tích kết quả |  |  |
| 5 | Trả lời câu hỏi, giải đáp bảo vệ trước hội đồng | 2,0 |  |
| Trả lời đúng và đủ các câu hỏi, yêu cầu giải trình của hội đồng  Nắm vững kiến thức chuyên môn, các vấn đề liên quan đến nội dung nghiên cứu |  |  |
| 6 | Kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp | 1,0 |  |
|  | Trình bày rõ ràng, mạch lạc, dễ hiểu, tự tin, tôn trọng hội đồng  Trang phục lịch sự, gọn gàng |  |  |
| 7 | Hình thức trình bày, chuẩn bị power point | 1,0 |  |
| Chuẩn bị slide báo cáo cẩn thận, xúc tích, đủ nội dung  Hình ảnh, video minh họa đẹp, rõ ràng, phong phú |  |  |
|  | CỘNG | 10 |  |

*Hà Nội, ngày …. tháng …. năm 20*

Người nhận xét

*(ký và ghi rõ họ tên)*

1. **Rubric đánh giá khóa luận tốt nghiệp dành cho thành viên hội đồng (/đề tài/đồ án)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **CĐR** | **Trọng số** | **Các tiêu chí đánh giá** |  |  |  |  |  |
| **Mức tốt**  **(8,5 - 10)** | **Mức khá**  **(7,0-8,4)** | **Trung bình**  **(5-6,9)** | **Yếu**  **(0 -4,9)** | **Điểm** |
| **1.** Tính cấp thiết, ý tưởng, Mục tiêu và nội dung nghiên cứu | * Kiến thức nền tảng, kiến thức chuyên ngành * Khả năng học tập suốt đời, nắm bắt xu hướng nghiên cứu, thực tiễn nghiên cứu, sản xuất * Kỹ năng ngoại ngữ | 10 % | a. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu, không trùng lặp, tính mới, tính khoa học, tính ứng dụng  c. Mục tiêu nghiên cứu rõ ràng phù hợp  d. Nội dung nghiên cứu đầy đủ sâu, rông, đủ các chỉ tiêu. | a. Ý tưởng có tính cấp thiết, có ý nghĩa khoa học**, có sáng tạo, có tính mới,** hoặc ứng dụng cao, phân tích được những tồn đọng chưa giải quyết được.  b. Mục tiêu nghiên cứu rõ ràng và đáp ứng định hướng nghiên cứu  c. Nội dung nghiên cứu đủ **tiêu chí, đủ hàm lượng** khoa học, kỹ thuật hoàn thành mục tiêu nghiên cứu | a. Có tính cấp thiết, có ý nghĩa khoa học, hoặc ứng dụng, phân tích được những tồn tại chưa giải quyết được  b. Mục tiêu rõ ràng và đáp ứng theo nội dung nghiên cứu  d. Các nội dung tương đối đủ hàm lượng khoa học **đáp ứng được** yêu cầu mục tiêu | a. Có tính cấp thiết, có ý nghiã khoa học, hoặc ý nghĩa ứng dụng  b. Mục tiêu rõ ràng và đáp ứng theo nội dung nghiên cứu  c. **Còn thiếu một số rất ít** nội dung để hoàn thành mục tiêu nghiên cứu | a. Nghiên cứu bị trùng lặp, hoặc ý tưởng đề tài **không** có ý nghĩa khoa học, không có tính ứng dụng)  b. Mục tiêu nghiên cứu không phù hợp  c. Các nội dung dự kiến **không đáp ứng** mục tiêu nghiên cứu |  |
| **2.**Tổng quan vấn đề nghiên cứu | * Kiến thức nền tảng, kiến thức chuyên ngành * Kỹ năng tư duy: tư duy sáng tạo, tổng hợp; tư duy phản biện và hệ thống * Có khả năng ứng dụng ngoại ngữ và tin học vào chuyên môn | 10% | a. Cơ sở lý luận khoa học liên quan đến nội dung nghiên cứu  b. Nghiên cứu trong và ngoài nước  c. Nội dung trích dẫn phù hợp | a. Cơ sở lý luận khoa học, luận điểm **đầy đủ,** **phong phú, bám sát** theo các nội dung nghiên cứu/đồ án  b. Có **cập nhật** phân tích các nghiên cứu trong nước và ngoài nước  **c.** Nội dung trích dẫn, phân tích phù hợp và có ý nghĩa khoa học | a. Cơ sở lý luận khoa học, luận điểm **đầy đủ**, **bám sát** theo các nội dung nghiên cứu  b. Có phân tích các nghiên cứu trong nước và ngoài nước | a. Cơ sở lý luận khoa học, luận điểm bám sát theo các nội dung nghiên cứu/ đồ án | Cơ sở lý luận khoa học, luận điểm hạn chế, cơ sở lý luận không bám sát nội dung nghiên cứu |  |
| **3.** Đối tượng và phương pháp nghiên cứu | * Kỹ năng   thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm   * Kỹ năng thao tác chuyên ngành * Kỹ năng quản lý thời gian, lập kế hoạch, hoàn thành kế hoạch | 10 % | a. Nêu rõ đối tượng, vật liệu, thiết bị chính cho nghiên cứu  b. Phương pháp thí nghiệm, công nghệ, tính toán, xử lý số liệu | a. Nêu rõ đối tượng nghiên cứu phù hợp, vật liệu, thiết bị chính  b. Phương pháp thí nghiệm, kỹ thuật, công nghệ phù hợp, phương pháp tính toán, xử lý số liệuđược **chính xác, đầy đủ,** **cập nhật** | a. Nêu rõ đối tượng nghiên cứu, vật tư thiết bị chính  b. Phương pháp thí nghiệm, kĩ thuật, công nghệ phù hợp, phương pháp tính toán, xử lý số liệu **đầy đủ** **Chính xác** | a. Nêu rõ đối tượng nghiên cứu, vật tư thiết bị phù hợp  b. Có các phương pháp thí nghiệm, kĩ thuật, công nghệ, có phương pháp tính toán, xử lý số liệu | a. Đối tượng nghiên cứu không rõ ràng  b. Các phương pháp kĩ thuật, công nghệ **không** phù hợp, phương pháp tính toán, xử lý số liệu **không** chính xác |  |
| **4.** Kết quả nghiên cứu, độ tin cậy, chính xác và thảo luận | * Kiến thức nền tảng, kiến thức chuyên môn * Kỹ năng giải quyết vấn đề chủ động: thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin; xác định vấn đề; đề nghị và lựa chọn giải pháp; thực hiện giải quyết vấn đề * Tư duy sáng tạo, phản biện và hệ thống | 30 % | a. Số lượng kết quả đạt được mục tiêu và nội dung nghiên cứu (đề cương đã nêu)  b. Đánh giá mức chất lượng, chỉ tiêu đạt được, hàm lượng khoa học đủ để giải quyết nội dung  c. Xử lý số liệu, độ chính xác, độ tin cậy, gắn với phân tích và thảo luận | a. Số lượng kết quả **hoàn chỉnh**, **đủ tiêu chí** giải quyết được mục tiêu và nội dung nghiên cứu  b. Mức chất lượng, chỉ tiêu đạt hàm lượng khoa học, kỹ thuật theo nội dung  c. Xử lý kết quả hoàn chỉnh, độ chính xác cao có gắn với phân tích kết quả nghiên cứu để có kết luận chính xác. | a. **Số lượng** kết quả phù hợp với nội dung nghiên cứu  b. Có **tương đối mức** **chất lượng, chỉ tiêu** đạt hàm lượng khoa học theo nội dung  c. kết quả xử lý có rất ít tỷ lệ sai lệch, có phân tích kết quả để đưa ra kết luận. | a. **Số lượng** kết quả phù hợp theo nội dung nghiên cứu đã nêu  b. Có ít mức chất lượng, chỉ tiêu đạt được theo nội dung  c. Số liệu có độ sai lệch | 1. Số lượng kết quả không phù hợp, Không đủ đáp ứng theo nội dung nghiên cứu 2. Các chỉ tiêu chất lượng rất ít 3. Số liệu không chính xác |  |
| **5.** Kỹ năng thuyết trình, | * Kỹ năng trình bày vấn đề khoa học, kỹ năng nói | 10% | 1. Khả năng trình bày mạch lạc, dễ hiểu, tự tin, thái độ tôn trọng hội đồng 2. Trang phục lịch sự, gọn gàng | 1. Trình bày rõ ràng, mạch lạc, dễ hiểu, tự tin, thái độ tôn trọng hội đồng 2. Trang phục lịch sự, gọn gàng | a. Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin, nhưng **khó hiểu**, thái độ tôn trọng hội đồng  b. Trang phục lịch sự, gọn gàng | a. Trình bày rõ ràng, nhưng **thiếu tự tin, khó hiểu,** thái độ tôn trọng hội đồng  b. Trang phục lịch sự, gọn gàng | a. Trình bày không rõ ràng, khó hiểu hoặc thái độ thiếu tôn trọng. |  |
| **6.** Trả lời câu hỏi, giải đáp bảo vệ trước hội đồng | * Kiến thức nền tảng, kiến thức, chuyên ngành * Tư duy sáng tạo, phản biện và hệ thống | 20% | 1. Trả lời các câu hỏi, yêu cầu giải trình của hội đồng, minh chứng thuyết phục, logic và khoa học 2. Mức độ kiến thức chuyên môn, các vấn đề liên quan đến nội dung khóa luận | 1. Trả lời **đủ và đúng** các câu hỏi, yêu cầu giải trình của hội đồng, có minh chứng, logic và luận cứ khoa học 2. Nắm vững, rõ ràng kiến thức chuyên môn, và các vấn đề liên quan đến nội dung khóa luận | 1. Trả lời **đủ** các câu hỏi, yêu cầu giải trình của hội đồng, có minh chứng, và luận cứ khoa học 2. Chưa nắm vững kiến thức chuyên môn và các vấn đề liên quan đến nội dung khóa luận | 1. Trả lời **chưa** **đủ** các câu hỏi, yêu cầu giải trình 2. Kiến thức chuyên môn sơ sài và chưa nắm vững các vấn đề liên quan đến khóa luận | 1. Không trả lời được các câu hỏi, yêu cầu giải trình của hội đồng 2. Không nêu được minh chứng và luận cứ khoa học 3. Không có kiến thức chuyên môn |  |
| **7.** Hình thức trình bày (Chuẩn bị báo cáo, power point) | * Kỹ năng trình bày vấn đề khoa học, kỹ năng tổng hợp, báo cáo * Kỹ năng tin học | 10% | 1. Chuẩn bị slide báo cáo cẩn thận logic, ngắn gọn, xúc tích, đủ nội dung 2. Hình ảnh, video, minh họa | 1. Chuẩn bị slide báo cáo cẩn thận logic, ngắn gọn, xúc tích, đủ nội dung 2. Hình ảnh, video minh họa đẹp, rõ ràng, phong phú | 1. Chuẩn bị slide báo cáo cẩn thận logic, ngắn gọn, xúc tích, đủ nội dung 2. Hình ảnh, video, không phong phú, không đẹp | 1. Chuẩn bị slide báo cáo cẩn thận logic, đủ nội dung 2. **Thiếu** hình ảnh video, link web minh họa | 1. Chuẩn bị slide cẩu thả, sơ sài, thiếu nội dung 2. Thiếu hình ảnh minh họa |  |